

VÀI NÉT VỀ NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH CỦA PHẬT GIÁO HÀN QUỐC

Nguyễn Long Châu- Đinh Lê Thư

Nghệ thuật tạo hình (kiến trúc, điêu khắc, hội hoạ) của Phật giáo ra đời từ nhu cầu hiện hữu và hình tượng hoá những tư tưởng Phật giáo trong việc hành lễ và thờ cúng . Nghệ thuật Phật giáo giúp cho việc nhắc nhở, hỗ trợ và củng cố những chân lý bất diệt của tôn giáo, hình thành phong cách riêng biệt của Phật giáo trong suốt quá trình phát triển của nó.

Có cả một hệ thống những hình tượng cao quý, những ‘vật nhắc nhở’ đức tin của các Phật tử , gợi nhớ những sự kiện quá khứ và tạo ra một môi trường linh thiêng cho sự sùng bái tín ngưỡng . Đó có thể là những đồ vật có chức năng thực sự hay những di vật như chiếc bát để đi khất thực, một bình chạm trở tinh vi bằng vàng hoặc pha lê đựng tro hoặc xá lợi của đức Phật , hình tượng cây bồ đề, những kinh điển, những vật dụng dành cho nghi lễ tôn giáo, những công trình kiến trúc dành cho sự thờ phượng, các tịnh thất dành cho các nhà sư, các bảo tháp , vô số các bức tượng và các bức hoạ về cuộc đời của đức Phật v.v... Chất liệu của các tác phẩm nghệ thuật có thể bằng giấy, gỗ, đá, đất sét, đồng , vàng, ngà voi, gốm sứ...

Nghệ thuật tạo hình của Phật giáo Ấn Độ là nền tảng cho nghệ thuật tạo hình của Phật giáo ở một số quốc gia khác. Nhưng những nguyên mẫu của Ấn Độ luôn được sửa đổi tùy theo các truyền thống và sở thích của dân bản xứ. Nền nghệ thuật Phật giáo rực rỡ và đặc sắc này luôn tiếp tục làm xúc động và lôi cuốn các Phật tử cũng như những người ngoại đạo.

1. Chủ đề chính của nghệ thuật tạo hình Phật giáo :

Nội dung nghệ thuật Phật giáo rất đa dạng và được hình thành và biến đổi phụ thuộc phần nào vào các tông phái khác nhau . Theo truyền thống, các Phật tử cho rằng sự phân chia chính ra các tông phái là phân chia giữa Tiểu thừa (Phật giáo nguyên thủy) và Đại thừa. Những tên gọi này phản ánh quan điểm về nội dung và cửa phương thức đạt đến Niết bàn của hai tông phái . Việc phân tích kinh viện về tồn tại cũng như hệ thống trì giới nghiêm ngặt của Tiểu thừa là con đường giải thoát đầy khó khăn và chuyên biệt. Mỗi cá nhân đi đến giải thoát một mình và tìm sự giải thoát chỉ cho riêng mình. Đại thừa đối lập với tư tưởng Tiểu thừa về La hán bằng khái niệm Bồ tát, một phương tiện giải thoát thuận lợi hơn, vị tha hơn. Các vị Bồ tát không đắm chìm trong cái yên tĩnh đã đạt được mà vì tình yêu chúng sinh đã trở lại, chờ đợi , giúp đỡ những người khác cùng được giải thoát như mình. Theo giáo sư O.O. Rozenberg thì “ Lịch sử các học thuyết Phật giáo là quá trình đơn giản hoá, xuất phát từ nguyện vọng tìm con đường dễ dàng để đạt đến Niết Bàn. Sự đơn giản hoá này chỉ là bước lùi của Phật giáo

trước sự yếu đuối của con người chứ không phải là một điều gì mới, tiến bộ và đối lập với Phật giáo nói chung “[4, 222]. Những con đường đạt đến Niết Bàn có ba: *nhận thức, thực hành và thiền*. Về sau, xuất hiện thêm con đường thứ tư – *niềm tin* [4, 224].

Sự khác biệt cơ bản giữa nghệ thuật Phật giáo của phái nguyên thủy và Đại thừa thể hiện ở nội dung liên quan đến các vị Phật và các vị Bồ tát (nổi bật trong nghệ thuật Đại thừa). Nếu những biểu tượng như *cây bồ đề*, bánh xe luân hồi, và những tư thế nào đó của Đức Phật thường gặp trong nghệ thuật của cả hai tông phái, thì những hình ảnh về sự tích đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Sākyamuni) và những tiền kiếp của ngài là nội dung chủ yếu trong nghệ thuật của tông phái nguyên thủy, còn nghệ thuật của tông phái Đại thừa thường miêu tả nhiều đức phật khác như Dược sư (Bhasahagjagura), A Di Đà (Amitabha), Di Lặc (Maitreya), Phật Như Lai (Tathāgata), Phật Tỳ Lô Già Na (Vairocana) v.v... và nhiều vị bồ tát như Quan Thế âm, Đại Thế chí v.v... và chú ý đến ba cảnh giới: *cảnh thế gian, cảnh trời và cảnh Phật*. Hình ảnh Phật trong nghệ thuật Đại thừa thường cao xa, thoát khỏi thế gian, với cảnh trời huy hoàng, rực rỡ và xa hoa với vô số người hầu và thiên thần. Còn tông phái nguyên thủy thì thường nhấn mạnh những hình tượng đơn độc, các phẩm thiền và sự khổ hạnh.

Hình ảnh Phật Thích Ca Mâu Ni thường gặp trong những tư thế nhất định như *thuyết pháp ấn* (dharmachakramudra) với hai tay giữ trước ngực, các ngón tay đan nhau; tư thế *hành thiền* (dhyanamudra): hai tay để trong lòng; tư thế *vô úy ấn* (abhayamudra): một tay đưa lên, lòng bàn tay hướng về phía trước; tư thế *giác ngộ hay xúc địa ấn* (bhumisparsamudra) tay phải chỉ xuống đất. Một số giai đoạn liên quan đến cuộc đời đức Phật như lúc đức Phật đản sinh, lúc thành đạo, lúc bị bủa vây bởi những đạo quân căm thù, lúc ngài thuyết pháp lần đầu tiên ở Sarnath, hình tượng đức Phật nằm tượng trưng cho sự chiến thắng cuối cùng của ngài: sự nhập vào cõi Niết Bàn... thường gặp trong các tượng, các tác phẩm điêu khắc và các tranh vẽ. Ngoài ra, một số sự kiện chính yếu khác của cuộc đời đức Phật cũng là đề tài thường gặp trong nghệ thuật Phật giáo như sự đương đầu của ngài với bệnh tật, tuổi già, sự tái sinh tiếp theo, lúc ngài hành thiền trong rừng...

Một chủ đề chính đã được nhiều tông phái Phật giáo Đại thừa chia sẻ có liên quan đến đức tin Tây phương cực lạc của A Di Đà. Những hình tượng liên quan đến khái niệm này thường nhấn mạnh đến ba nhân vật chủ yếu. Đó là Phật A Di Đà - vị giáo chủ của Tây phương cực lạc, Quan Thế âm bồ tát – như người trung gian, hộ tống linh hồn của tín đồ về Tịnh độ phương Tây, và Phật Di lặc - mà các tín đồ thường cầu nguyện trực tiếp đến ngài, phản ánh mối quan tâm của họ về tương lai ở Tây phương cực lạc.

Trong nghệ thuật Phật giáo, thiên nhiên hoà quyện với cuộc sống con người. Những hình tượng như cây bồ đề râm mát, đường cong mềm mại của cánh hoa sen, hàng cây đa thẳng tắp, sức mạnh của sư tử, sấm sét, nước và những động vật sống dưới nước ... luôn là đề tài yêu thích trong nghệ thuật Phật giáo. Những hình ảnh của rắn thần (Nagaraja) xuất hiện trong nghệ thuật Phật giáo rất sớm. Ở vùng Trung Á vua rắn được xem là một vị thần bảo hộ. Ở vùng Đông Nam Á thường gặp những bức tranh miêu tả hình ảnh đức Phật ngồi trên thân mình rắn cuộn tròn và dưới sự che chở của những các đầu của vua rắn Muchalinda. Những công trình linh thiêng của Thái Lan thường hướng mặt về phía dòng sông, giống như một con thuyền lớn chở đoàn người hành hương đến nơi cứu khổ. Đài kỷ niệm *Sökkuram* trên một đỉnh núi ở Hàn Quốc hướng về đại dương và mộ phần của nhà vua ở dưới đáy biển [1, 36].

Các công trình kiến trúc thể hiện rất rõ quan niệm về vũ trụ của Phật giáo, đặc biệt là ở tông phái nguyên thủy. Theo quan niệm của Phật giáo, trung tâm của vũ trụ là ngọn núi Meru. Trên đỉnh núi này là những tầng trời. Có bảy dãy núi bao quanh ngọn núi tháp này, mỗi dãy cách nhau bởi một trong 7 đại dương. Có bốn đảo, và thế giới loài người ở cực nam của một trong 4 đảo ấy. Một tường đá không lồ bao bọc toàn thể vũ trụ. Trên ngọn núi Meru có cung điện của Tứ đại thiên vương ở 4 hướng. Còn trên chóp núi là nơi ngự của vua trời (có thể là vua của các vị thần Ấn Độ giáo hay là nơi của Đức Phật). Những nỗ lực đầy khát vọng để biểu hiện quan niệm về vũ trụ này được thể hiện ở Campuchia với công trình Bayon dưới triều vua Khmer Jayavarman VII, và mô hình về nguồn bốn dòng sông thiêng bồi đắp cho Jambudipa ở Neak Pean, gần Bayon. Tượng đài kỷ niệm vĩ đại của Phật giáo Borobudur ở Java cũng biểu hiện những điều tương tự. Ở đền Bayon, cột chính của 'ngọn núi thế giới' được ăn sâu vào quả đất với một chiều sâu tương đương với chiều cao cái chóp nhọn của nó. Trên nền bệ người ta khắc hình một con cá khổng lồ tượng trưng cho sự sâu thẳm của đại dương. Phần quan trọng nhất là chùa chính được đồng hoá với ngọn núi Meru huyền thoại, nó là phần lớn nhất của năm ngọn tháp và được đặt ở trung tâm trên một loạt bệ đá, những tầng dẫn qua những cổng hình vòng cung, những dãy hào bao quanh tượng trưng cho đại dương, với những bức tường rào phía xa như là những bức tường đá theo truyền thuyết, là giới hạn tận cùng của hệ thống vũ trụ đồ sộ [1, 266].

2. Vài nét về nghệ thuật tạo hình của Phật giáo ở Hàn Quốc :

Theo nhiều nhà nghiên cứu, đạo Phật được truyền vào Hàn Quốc từ thế kỷ IV. Vào khoảng sau năm 372 ở vương quốc Koguryo, năm 384 ở Paekche và năm 572 ở Shilla, các triều đình của ba vương quốc này đã nghênh đón các nhà sư truyền đạo đến từ Trung Quốc và Trung Á, và chính

B. a. 2. 20

thức ủng hộ việc lập các đền chùa . Từ đó đạo Phật mới dần dần thâm nhập vào thế giới tâm linh của tầng lớp trí thức rồi đến mọi tầng lớp nhân dân. Đạo Phật đã đóng góp một phần rất lớn vào việc xây dựng thế giới quan người Hàn trong một thời gian dài cũng như cách biểu đạt thế giới quan ấy trong văn chương và nghệ thuật.

Từ khi xuất hiện đến nay Phật giáo đã đóng góp rất lớn vào di sản văn hoá của Hàn Quốc cũng như vào kho tàng văn hoá Phật giáo thế giới . Một trong những tác phẩm đặc sắc đó là bộ *Đại tạng kinh* 81000 trang, mỗi trang khắc trên một tấm ván riêng được hoàn thành vào triều đại Koryo. Hàng vạn tấm ván khắc này hiện nay vẫn còn lưu giữ tại chùa *Haein*, cách Taegu không xa và tiếp tục thu hút các nhà nghiên cứu Phật giáo trên toàn thế giới.

Hình

Bộ *Tam quốc di sử* (Samgukyusa), một trong những bộ sử ký cổ nhất còn lại của Hàn Quốc do nhà sư Hyon (1206-1289) biên soạn. Ngoài các sử liệu, bộ sử này còn ghi lại nhiều bài thơ Hàn cổ nhất, những bài *hyangga* của Shilla thống nhất và các triều đại đầu của Koryo mà hầu hết đều mang chủ đề Phật giáo.

Đặc biệt là những đóng góp của các nhà sư Phật giáo ở thời kỳ *Ba vương quốc* được đánh giá cao. Chính các nhà sư ở thời kỳ này đã tạo ra các bút pháp điêu luyện và lối kiến trúc theo Trung Hoa cổ. Một phần ba các tác phẩm điêu khắc , các bức hoạ, các bức tượng , các ngôi chùa, chuông đồng nay diện thờ đã chính thức được chính phủ Hàn Quốc công nhận là những di tích lịch sử quốc gia. Động *Sokkuram* được xây dựng bên sườn núi *Kyongju* vào thế kỷ VIII, những bức hoạ, bức tượng các vị Phật, các vị Bồ tát, các vị hộ pháp bằng đá hoa cương là một ví dụ tiêu biểu rằng đạo Phật đã là nguồn cảm hứng cho các nghệ nhân thiên tài Hàn Quốc sáng tác nên những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại.

Vì chưa có điều kiện nghiên cứu tất cả các loại hình nghệ thuật tạo hình của Phật giáo Hàn Quốc, trong bài viết này chúng tôi chỉ giới thiệu sơ lược về hội hoạ Phật giáo, tháp xá lị và tượng Phật bằng đá mà chúng tôi đã đề cập đến trong quyển “ *Tìm hiểu văn hoá Hàn Quốc*”, xuất bản năm 2000 [trang 152- 164].

2.1 Hội hoạ Phật giáo ở Hàn Quốc :

Trong giai đoạn Shilla thống nhất bán đảo Hàn (668-935) văn hoá Phật giáo được phổ biến rộng rãi. Một số đề tài Phật giáo được thể hiện trong hội hoạ. Một trong những tác phẩm có giá trị còn giữ lại đến ngày nay đó là bức hoạ tả một cảnh trong một quyển của bộ *Hoa Nghiêm kinh* đề niên hiệu 754-755. Đó là bức chân dung Bồ Tát được vẽ trên giấy lụa nhuộm tím có những đường gân bằng vàng . Hình dáng và tư thế của vị Bồ

Hình 0

Tát trong bức hoạ này cũng giống như các pho tượng bằng đá hoa cương ở chùa hang *Sōkkuram* cùng thời.

Trong vương triều Koryō (918-1392) Phật giáo rất phát triển, được hoàng gia và giới quý tộc rất ngưỡng mộ. Tuy nhiên các họa phẩm đầu thời kỳ này không còn được lưu giữ. Duy chỉ còn lại những bức tranh khắc trên các bản gỗ vào thế kỷ XI miêu tả phong cảnh kỳ vĩ kiểu đời Ngũ Đại (907-959) và nhà Tống (960-1279) của Trung Quốc. Những bức tranh này là tranh minh họa trong một công trình hợp tuyển thơ ca của các tín đồ Phật giáo được khắc trên các bản gỗ.

Nhiều công trình văn hoá, trong đó có những bức hoạ có giá trị đã bị thiêu hủy khi người Mông Cổ xâm lược bán đảo Hàn vào năm 1231. Trong thế kỷ XIII, XIV do ảnh hưởng của văn hoá Mông Cổ, Phật giáo dần dần chuyển theo hướng Phật giáo Tây Tạng. Điều này đã tạo ra một số sắc thái mới trong nghệ thuật Phật giáo thời Koryō. Phong cách xa hoa, lộng lẫy, chạm vàng, khảm ngọc kiểu Mông Cổ thường gặp trong giai đoạn này.

Những tác phẩm hội họa thời Koryō còn giữ lại đến ngày nay đều được vẽ sau cuộc xâm lược của người Mông Cổ. Một trong những bức nổi tiếng nhất là bức Quan Âm Bồ Tát (1300). Một bức tranh khác tương tự như vậy do Sō Ku- Bang vẽ đề năm 1323, hiện đang trưng bày ở Bảo tàng tranh Sumitomo Nhật Bản. Bức tranh lớn vẽ Thủy Nguyệt Quan Âm Bồ Tát (thế kỷ XIII) hiện đang được Bảo tàng nghệ thuật Đại học Harvard bảo quản. Tranh này minh họa một cảnh trong trong chương *Nhập pháp giới phẩm* của Hoa Nghiêm kinh. Trong tranh vẽ một vị Bồ Tát cao lớn ngồi trên một tảng đá, màu sắc bức tranh rất phong phú với các hoa văn cầu kỳ bằng vàng trên nền áo choàng mỏng trong suốt. Bên cạnh ngài có một bình sứ màu ngọc bích cắm một nhành liễu thiêng. Các hoa văn tương tự còn xuất hiện trên nhiều vật dụng khảm ngọc bích được tìm thấy cùng thời.

(*hình*)

Người ta cũng tìm thấy những bức tranh lớn vẽ cảnh Phật A Di Đà đang chờ đón linh hồn tái sinh ở Tây Thiên. Những bức này sử dụng tối đa các hoạ tiết có chạm vàng, phản ánh thị hiếu của giới quý tộc Koryō thời bấy giờ.

Một bức vẽ Địa tạng Bồ tát- chúa tể cõi âm ty hiện đang trưng bày tại bảo tàng nghệ thuật Ho-am. Một thể loại tranh Phật nữa được vẽ bằng mực là tranh hoạ hình các vị La hán. Thể loại tranh này là cơ sở cho các tranh chân dung sau này.

Khi Tân Nho giáo bắt đầu trở thành hệ tư tưởng chính thống của triều đình vua T'aejo (1392-1398) thời Choson, sự phung phí vàng bạc trong trang trí nghệ thuật chấm dứt vì Tân Nho giáo chủ trương lối sống tiết kiệm. Hội hoạ Hàn Quốc cũng dần dần tiếp nhận ảnh hưởng của hội hoạ Trung Hoa

thông qua ảnh hưởng của Tân Nho giáo : chủ yếu là theo phong cách của Quách Hi (Bắc Tống) vào trước thế kỷ XVI và phong cách hội họa nhà Tống và nhà Minh sau này.

Như vậy, từ thế kỷ XV, đề tài về Phật giáo không còn là nguồn cảm hứng cho các họa sĩ. Tranh phong cảnh, tranh chân dung và tranh tả thực, tranh dân gian... được ưa chuộng hơn.

2.2 Tháp xá lợi :

Tháp xá lợi là nơi tưởng niệm hay nơi giữ di thể (xá lợi) của một vị Phật. Tháp đầu tiên có chứa thánh tích của Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ấn Độ, có cấu trúc đặc, hình cầu và một trụ trung tâm xuyên qua nóc. Trên trụ này được treo một số 'lọng'. Theo như kinh Phật, số lọng cho biết địa vị của thánh tích. Ví dụ, tháp có thánh tích Phật sẽ có nhiều lọng hơn tháp có thánh tích của một vị hoà thượng. Về sau, lọng được biểu trưng cho giai đoạn khai sáng, tùy theo mức độ. Ở vùng Trung Á và Trung Quốc hình thái tháp thường là hình vuông (hay tám cạnh) với số tầng lẻ (thường là 3, 5, 7, 9 hay hơn nữa). Mỗi tầng được phân cấp bằng 'mái' riêng. Trụ trung tâm vẫn là quan trọng, nó vươn lên cao và trên nóc thường treo một chuỗi vòng tròn nhỏ, có thể dùng thay cho 'lọng' nguyên thủy Ấn Độ. Đôi khi có một vòm hình cầu nhỏ (thường gọi là hình báp úp) tượng trưng cho tháp Ấn Độ nguyên thủy. Trong tháp, xá lợi thường được chôn dưới đất, dưới cột trụ trung tâm. Nhưng ở các tháp Ấn Độ, xá lợi thường được đặt trong phần vòm đặc. Tháp của Hàn Quốc thường giữ xá lợi ở phần hầm hay phần giữa thay vì chôn xuống đất. Xá lợi là phần còn lại của thi thể của các vị Phật sau khi được hoả thiêu, được xem như báu vật. Tất cả thường được đặt trong một vật chứa bằng kim loại hoặc thủy tinh, và đôi khi được xếp cùng với những vật khác như kinh Phật, mô hình chùa, tranh khắc, tranh vẽ...

Ở Hàn Quốc, hầu hết các tháp đều được làm bằng đá. Các tháp làm bằng gỗ và xây bằng gạch rất hiếm. Tháp đá trở thành nét đặc trưng của tháp xá lợi Hàn Quốc, khác biệt với các tháp gỗ ở Nhật và tháp gạch hay gỗ chiếm đa số ở Trung Quốc. Tháp đá có nhiều điểm khác nhau về hình dạng, kích cỡ, số tầng lầu nhưng đều giống nhau ở cấu trúc cơ bản là có một tầng hầm, các lầu ở giữa và một cột trụ vươn lên khỏi nóc lầu trên cùng, có thể treo những vòng và các vật khác.

Một trong những tháp đá cổ nhất được biết ở Hàn Quốc là tháp năm tầng ở khu chùa Chongrim ở Puyo tỉnh Ch'ungch'ong (gọi là Chongrimsa). Tháp này được xây dựng từ thời vương quốc Parhae (thời ba vương quốc) có lẽ vào thế kỷ thứ VI trước công nguyên. Tháp này cao nhưng cấu trúc đơn giản và làm toàn bằng đá. Tháp có nền vuông và một hầm với kiến trúc rất hài hoà. Các vách đá dựng nghiêng cùng với các cột đỡ những rường đá

nằm ngang. Mái tháp gồm 6 phiến đá rộng, có bề ngang hẹp và cong mềm mại tạo vẻ dịu dàng thanh tú cho kiến trúc. Tháp có năm tầng, cấu trúc các tầng giống nhau nhưng càng lên cao thì các tầng càng thấp và hẹp lại.

Các tháp thời Shilla (668-935) thường có 3 hoặc 5 tầng. Có hình dáng mạnh mẽ, thường không có mái loc.

Cặp tháp Đông và Tây ba tầng ở khu đền Kamŭn gần Kyŏngju, kinh đô của Shilla thống nhất, thuộc tỉnh Kyŏngsang là những tháp thời kỳ đầu của Shilla. Đây là một phần của khu tháp nổi tiếng do vua Shimu (682-692) xây dựng. Thời kỳ này các tháp thường được xây dựng thành một cặp ở hai bên lối vào thiền viện.

Một trong những tháp đá nổi tiếng nhất của Hàn Quốc là tháp Thích Ca (*Sŏkkat'ap*) và tháp Đa bảo (*Tabo t'ap*) ở chùa Puguk, Kyongju. Tháp Đa bảo được xây dựng trên một nền đất vuông, cao. Bốn phía tháp có bậc thang dẫn lên tầng đầu tiên. Bốn lối thang lên này tượng trưng cho bốn con đường chính cùng đi đến giáo lý nhà Phật. Bốn tượng sư tử đá đặt ở đỉnh mỗi cầu thang (nay chỉ còn lại một con), tượng trưng cho 'tiếng sư tử gầm' của giáo lý nhà Phật. Tầng một của tháp có 4 cột vuông nâng đỡ một trụ trung tâm của tầng hai và tầng ba. Tầng hai và tầng ba nhỏ dần và có nhiệm vụ làm nền để nâng đỡ toà sen. Toà sen chính là nền của tầng cao nhất có mái hình bát giác. Vượt lên mái tháp là một trụ đá cao, nhỏ, giữ một chuỗi các vòng đá. Tuy có cấu trúc đa dạng, phức tạp nhưng tháp Đa Bảo lại rất cân đối, hài hoà. Thiết kế của tháp chuyển dần từ vuông đến tám cạnh rồi tròn. Nhìn bên ngoài rất đường bệ và hoành tráng. Bên cạnh đó là tháp Thích ca đơn sơ nhưng trang nhã. Cùng với hai kiến trúc tháp nổi tiếng này là sự tương phản của chính điện bằng gỗ, các công trình cổng, các bậc thang, lối vào bằng đá đã làm nên khung cảnh cõi Niết Bàn.

Trong thời vương quốc Koryo (918-1392), các tháp có xu hướng cao lên, tạo nên ấn tượng lạ về kiến trúc. Một trong những tháp Koryo đẹp nhất là ngôi tháp bát giác cao chín tầng, được xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ X trong khu chùa *Wŏlchŏng* tại Odaesan, Kangwŏndo. Ngôi tháp vươn lên từ một toà sen tròn trên một nền bát giác, thật thon thả nhưng chắc chắn. Mỗi tầng lặp lại cấu trúc tám cạnh nhưng nhỏ dần đi. Ở mỗi góc mái treo một chiếc chuông đồng. Khi gió thổi, tạo ra âm thanh vui tai. Ở đỉnh tháp vươn lên một vòm nhỏ và dáy toà sen có chạm khắc những vòng tròn và hoa văn, tất cả đều bằng đồng. Các vòng tròn gọi là bánh xe và hai quả cầu tròn trên chóp tháp gọi là 'xe rồng' và 'châu báu'. Những yếu tố nguyên thủy như đã thấy trong khu tháp này còn lại rất ít. Nó dường như muốn tái tạo lại dáng vẻ huyền bí cho những ngôi chùa mà thái tử Tất Đạt Đa đã từng tu vắng và đã tìm ra chân lý.

2.3 Tượng Phật bằng đá :

Tượng Phật xuất hiện ở Ấn độ từ thế kỷ thứ nhất trước công nguyên. Các trường phái Ma Đột La ở Trung Ấn, và Càn Đà La ở Pakistan và Afganistan đã tạo ra các tượng đài của Phật. Những tượng này có ảnh hưởng nhiều nhất đến sự phát triển nghệ thuật Phật giáo Trung Á và Trung Quốc trong giai đoạn đầu. Đức Phật thường được khắc hoạ mặc áo cà sa choàng qua hai vai hoặc chỉ phủ qua vai trái. Tượng truyền Phật có nhiều đặc điểm quý tướng, như sọ đầu nhô cao lên trông giống như một búi tóc ở đỉnh đầu, những lọn tóc xoắn trên trán, tai to, dài do phong tục đeo nhiều vòng nặng của hoàng tử Ấn Độ, ở lòng bàn tay và bàn chân có vết bánh xe ngàn căm... Tượng Phật thường có cử chỉ của tay và dáng ngồi nhất định để diễn tả lúc giảng đạo, tọa thiền, ban phúc, giác ngộ hay các thái độ khác... Những cử chỉ, dáng điệu của tượng gắn liền với những giai đoạn đặc biệt của cuộc đời đức Phật, hoặc để phân biệt các vị Phật khác nhau trong phái Đại thừa.

Phật giáo ở Hàn Quốc được du nhập từ Trung Quốc và thuộc phái Đại thừa. Bên cạnh Phật Thích Ca Mâu Ni, tượng Phật phổ biến ở Hàn Quốc là Phật Di Lặc, Phật A Di Đà, Phật Như Lai, Phật Tỳ Lô Già Na, Phật Dược sư v.v...

Tượng Phật bằng đá xuất hiện vào thời kỳ *Ba vương quốc*, hầu hết là ở vương quốc Paekche và Shilla vào thế kỷ thứ 6 và đầu thế kỷ thứ 7. Cả hai loại tượng : tượng tròn đặt trong các điện thờ hay chạm nổi trên vách đá đều hình thành từ thời kỳ đầu này. Đá thường là đá hoa cương, màu vàng vốn có rất nhiều ở Hàn Quốc. Loại đá này cứng, thô và khó gọt đẽo. Tuy nhiên, do rất quen thuộc với loại chất liệu này nên các nghệ nhân Hàn Quốc vẫn tạo ra những tác phẩm độc đáo. Mặc dù vẫn giữ những khuynh hướng thuộc nguồn gốc Trung Quốc, nhưng tượng Phật Hàn Quốc đã có những nét đặc trưng bản xứ. Khuôn mặt trẻ trung, nụ cười dịu dàng, đầu và tay to quá khổ, sự cứng cáp của bức tượng Phật đứng Paekche (ở Paeri, ngoại ô Kyōngju) là một điển hình nghệ thuật của Hàn Quốc, cùng với sự trừu tượng cao độ nhờ nét khắc chạm chìm và sự đơn giản của hình dáng, khác với phong cách tượng của Trung Quốc thường tuân theo khuôn mẫu hài hoà, cân đối và thường làm bằng cẩm thạch, sa thạch hay đá vôi. Các tượng tròn cũng như các tượng chạm nổi trên vách đá của Hàn Quốc đã tạo thành một bộ phận riêng biệt trong nghệ thuật Phật giáo Đông Á nói riêng và Châu Á nói chung.

Một tác phẩm tượng Phật bằng đá nữa của Hàn Quốc được tạc vào thời Shilla thống nhất (668-935) là tượng Phật đặt trong đền *Sōkkuram* ở Kyōngju. Đền này do Kim Dae Song, thừa tướng của vương quốc Shilla thống nhất cho xây dựng khoảng giữa thế kỷ thứ VIII. Sau khi ông mất, đền

được triều đình cho tiếp tục xây dựng đến khi hoàn tất. Việc xây dựng *Sökkuram* được miêu tả lại trong *Samguk Yusa* (Tam Quốc di sử), bộ sách sử cổ nhất Hàn Quốc.

Sökkuram là ngôi đền có cấu trúc hang động làm bằng những tảng đá lớn. Đền gồm một tiền sảnh và một đại sảnh được phủ đất lên giống như một ngọn đồi, tạo dáng vẻ một chùa hang tự nhiên. Đây là một công trình nghệ thuật Phật giáo độc đáo ở Hàn Quốc. Trong chùa, tất cả đều được tạc bằng đá. Tượng các hộ pháp chạm nổi dọc theo vách của tiền sảnh và lối vào đại sảnh. Tượng Phật ngồi được đặt ở giữa, ngay dưới bên dưới mái vòm, trên một bệ tròn 326 cm. Trên vách đền bao quanh là những khung chạm nổi tượng các vị Bồ tát, các hốc tường nhỏ bên trên những khung tượng Bồ tát cũng có tượng các vị thần hay tượng các vị Bồ tát khác. Phía sau đầu tượng Phật là vầng hào quang hình hoa sen tròn được chạm ở trên vách.

Tượng Phật ngồi xếp bằng, tay phải chỉ xuống đất. Đây là cử chỉ 'chứng đất' của Phật Thích Ca Mâu Ni khi người ngộ đạo, lúc đó người chỉ tay xuống đất và gọi Thổ thần chứng giám sự giác ngộ của mình. Lòng bàn tay trái ngửa lên đặt hờ trên gót chân phải. Áo cà sa phủ qua vai trái, cánh tay phải và vai phải để trần- kiểu Ấn Độ điển hình. Phần trên áo ôm sát vào thân hình khoẻ mạnh, vạt dưới xếp thành các nếp gấp tạo thành hình dáng tự nhiên của áo. Pho tượng Phật khổng lồ bằng đá granit này nhìn đăm đăm về phía Đông, hướng ra phía biển. Nhiều tượng Phật ở *Sökkuram* bằng cỡ người thật, ngồi ở các tư thế khác nhau, tương phản rõ rệt với vẻ thanh thản và tự tại của hình tượng Thích Ca Mâu Ni trong khoảnh khắc giác ngộ. Quả thật, đây là nơi tập trung nhiều hình tượng nghệ thuật bằng đá đẹp nhất Châu Á.

Nền nghệ thuật Phật giáo của triều đại Shilla đạt đến đỉnh cao của nó vào giữa thế kỷ VIII. Sau thời kỳ đó, những cuộc tranh giành quyền lực và sự đàn áp Phật giáo ở Trung Quốc đã tác động đến bán đảo Hàn, làm suy yếu đức tin của nhiều người. Trong nghệ thuật, những khuôn mặt trẻ trung, dịu dàng đôi khi được thay thế bằng những nét mặt nghiêm khắc, trầm tư, huyền bí và xa cách, biểu hiện tâm tư của những người sáng tác và thị hiếu của một số tông phái Phật giáo thần bí lúc bấy giờ.

Trong triều đại Koryo (918-1392), Phật giáo lại được hồi sinh. Phái Phật giáo Sŏn (Thiền) do Chinul sáng lập (1158-1210) đã kết hợp khuynh hướng truyền thống, thiền định, và nghiên cứu kinh điển tạo ra một hệ thống độc đáo trong Phật giáo châu Á, đến nay còn tồn tại. Tuy nhiên chỉ còn lại rất ít những hoạ phẩm của thời Koryo. Các tượng Phật dần dần chuyển sang làm bằng đồng, bằng sắt hoặc mạ đồng, mạ bạc, hoặc tượng gỗ sơn...

Nghệ thuật Phật giáo sau này, đặc biệt là sau những cuộc xâm lăng của người Nhật vào cuối thế kỷ XVI, dần dần trở nên đồng hoá với 'nghệ thuật dân gian'. Sự thay đổi này do vai trò của Phật giáo không còn cao như trước trong bối cảnh phục hồi Khổng giáo, và sau này là sự xâm nhập của Ki tô giáo. Các tông phái Phật giáo rút lui vào vùng núi non. Nghệ thuật Phật giáo không còn được bảo trợ và dần dần gần gũi với truyền thống nghệ thuật dân gian.

Mặc dù nghệ thuật Phật giáo Hàn Quốc chưa được nghiên cứu đầy đủ, nhưng những gì được nhắc đến một cách sơ lược trong bài viết này cũng đã thể hiện được phần nào di sản văn hoá đặc sắc của Hàn Quốc. Di sản văn hoá này hiện nay đang được bảo tồn và tái tạo lại ở các ngôi chùa Phật giáo Hàn Quốc với các công trình kiến trúc, các hoạ phẩm, các tác phẩm điêu khắc tài tình kết hợp với sự mộc mạc, dân dã và sự tưởng tượng phong phú. Có thể nói rằng, nghệ thuật Phật giáo Hàn Quốc là nền nghệ thuật năng động, biểu hiện truyền thống nghệ thuật dân gian của Hàn Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Robert E. Fisher . *Nghệ thuật và kiến trúc Phật giáo*. Bản dịch của Thích Thiện Minh Trần Văn Huân. NXB tp. HCM , năm 2000.
2. Nguyễn Long Châu . *Tìm hiểu văn hoá Hàn Quốc*. NXB Giáo dục, 2000.
3. Keith Crim (General Editor). *Dictionary of World Religions*. Harper San Fransisco, 1989.
4. O.O Rozenberg. *Phật giáo- Những vấn đề triết học*. (do Nguyễn Hùng Hậu, Ngô Văn Doanh dịch). Trung tâm tư liệu Phật học xuất bản. Hà Nội- 1990.
5. Vũ Tam Lang. *Kiến trúc cổ Việt Nam* (tái bản lần thứ 2). NXB Xây dựng. Hà Nội- 1999.
6. Nguyễn Khởi. *Kiến trúc Việt Nam, các dòng tiêu biểu*. Trường ĐH Kiến trúc TP. HCM, 1991.